TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 09 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 25/ 3 /2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: *- Ông Tạ Khắc Nghĩa.*

- Ông Lưu Danh Sử.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần - Kiểm sát viên.

Ngày 25/03/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-ST ngày 08/03/2019 về việc ly hôn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: *Chị NguyễnThị H, sinh năm 1984.*

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: *Anh Phạm Văn H, sinh năm 1983.*

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Anh H có mặt, chị H vắng mặt có đơn đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 06/12/2018 và đơn xin xử vắng mặt ngày 12/03/2019 chị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau vào ngày 02/3/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là hôn

nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chị về sống chung với bố mẹ đẻ anh H tại thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh H cờ bạc, nghiện ma túy anh H hay đánh chị nên vợ chồng tH xuyên xảy ra đánh chửi nhau. Từ năm 2013 chị H đã mang con về quê mẹ đẻ ở xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và sống ly thân với anh H từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Thành H, sinh ngày 27/11/2011 ở với chị H kể từ khi chị và anh H sống ly thân.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của anh H: Tại phiên tòa anh Phạm Văn H xác định: Lời khai của chị H về việc kết hôn, nơi đăng ký đúng như chị H trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời gian sống ly thân chị H trình bày là đúng.

Về tình cảm: Nay chị H xin ly hôn anh không nhất trí vì tình cảm của anh vẫn còn với chị H và vì con.

Về con chung: Anh xác định lời khai của chị H là đúng về việc nuôi con nếu tòa giải quyết ly hôn anh nhất trí để chị H nuôi anh xin cấp dưỡng nuôi con một tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh H xác định vợ chồng anh không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

Anh H không thực hiện đầy đủ các quy định tại các Điều 70,72 không có mặt tại phiên họp về kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các phiên hòa giải. Tại phiên tòa anh H thực hiện đúng các quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối đề nghị như sau: Căn cứ các Điều 5,147, 227, 228, 266, 271, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 56,58, 81, 82, 83 110,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử**:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phạm Nguyễn Thành H, sinh ngày 27/11/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng từ tháng 4/2019 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, về công nợ chung: Không giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

4. Về án phí:

- *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị H phải nộp 300.000 đồng theo quy định của Pháp luật.

- *Án phí cấp dưỡng:* Anh H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phạm Văn H. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị H, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Trong quá trình giải quyết vụ án án chị H chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, anh H chấp hành không đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn, theo quy định của pháp luật đến ngày 08/03/2019 Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

3. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H kết hôn với kết hôn với nhau vào ngày 02/3/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng họ về sống chung với bố mẹ đẻ anh H tại thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Thực tế cuộc sống chung của vợ chồng họ tại địa phương tH xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng, cãi chửi nhau. Anh H có biểu hiện nghiện ma túy và hay đánh chửi vợ con. Chính quyền thôn Đ có tổ chức hòa giải, nhưng không có hiệu quả, chị H đã bế con về quê tại tỉnh Hà Tĩnh để sinh sống kể từ năm 2013 đến nay. Tòa án nhân dân huyện N đã tiên hành hòa giải nhưng anh H không có mặt. Xét khả năng đoàn tụ của hai người thực sự không còn, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H Xử ly hôn giữa

chị H và anh H là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

4. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thực tế con chung của chị H và anh H ở với chị H từ khi hai người sống ly nên cần giao con chung là cháu Phạm Nguyễn Thành Hoàn cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh H mỗi tháng dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 4.000.000 triệu đồng, thời gian tính từ tháng 04/2019 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi .

5. Về tài sản chung, về công nợ chung: Từ lời khai của chị H và anh H và kết quả xác minh thì hai người không có tài sản chung và công nợ chung nên không đặt ra việc giải quyết.

6. Về án phí

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của Pháp luật. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, chị H đã nộp được chuyển sang án phí.

Án phí cấp dưỡng: Anh H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 5,147, 227, 228, 266, 271, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56,58, 81, 82, 83 110,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Nguyễn Thành Hoàn, sinh ngày 27/11/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), thời gian tính từ tháng 4/2019 đến khi cháu Hoàn đủ 18 tuổi .

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà cấp dưỡng mà anh H phải thi hành cho đến khi thi hành xong, hàng tháng anh H còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh H lạm dụng việc việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

3. Về tài sản chung, về công nợ chung: Không giải quyết về tài sản chung, về công nợ chung.

4. Về án phí:

- *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0000985 ngày 06/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

- *Án phí cấp dưỡng:* Anh H phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND huyện N*
- *THADS huyện N*
- *Đương sự*
- *Lưu/.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hà Minh Lực